

Bản án số: 258/2021/HS-ST
Ngày: 01-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Thông

Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 773/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4337/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L (tên gọi khác: Nguyễn Anh T, Tuấn A, T Pêđê); sinh năm: 1960 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 115/3 đường N, phường B, Quận M, Thành phố H; tạm trú: 365/36/134 đường H, Phường MM, Quận S, Thành phố H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ, mẹ: Nguyễn Thị U (chết); tiền án, tiền sự: không có; nhân thân:

+ Ngày 29/7/1980, bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt vì hành vi “Môi giới mại dâm”, bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh đưa đi cải tạo tập trung, đến ngày 22/10/1984 chấp hành xong việc cải tạo;

+ Ngày 24/4/1985, bị Công an Quận 1 bắt về hành vi “Cướp tài sản của công dân”, bị Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định

cưỡng bức lao động 24 tháng theo Quyết định số 501 ngày 26/4/1985, đến ngày 21/4/1987 chấp hành xong việc cưỡng bức lao động;

+ Ngày 04/11/1987, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân” (theo Bản án số 290/HSST). Đến ngày 05/11/1988, trốn trại giam nên bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Lệnh truy nã số 126. Quá trình trốn truy nã, ngày 19/4/1989 tiếp tục bị bắt về hành vi “Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Ngày 04/5/1989, Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định bắt buộc lao động tập trung 24 tháng, đến ngày 12/6/1992 chấp hành xong án phạt 03 năm tù giam và 24 tháng lao động tập trung;

+ Ngày 05/4/1994, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân” (theo Bản án số 97/HSST);

+ Ngày 24/9/1998, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Xâm phạm tài sản của người nước ngoài” (theo Bản án số 288/HSST);

+ Ngày 08/9/1999, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (theo Bản án số 185/HSST);

+ Ngày 12/02/2004, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo Bản án số 149/HSST);

+ Ngày 06/3/2009, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 52/HSST);

Bị bắt, tạm giam ngày: 27/3/2021;

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh S.D.J (D.S), sinh năm: 1988; quốc tịch: Anh; nơi cư trú: Tòa nhà A1, căn hộ 31.17 Chung cư G, 346 đường B, Phường M, Quận B, Thành phố H; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nhan Hòa T; địa chỉ: 365/3 đường B, Phường T, Quận T, Thành phố H; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm: 1976; địa chỉ: 357/66A đường H, Phường MM, Quận S, Thành phố H; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 26/3/2021, Tổ tuần tra Công an thành phố Thủ Đức đang đi tuần tra địa bàn thì phát hiện bị cáo Nguyễn Văn L điều khiển xe máy biển số 52L9-6549 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành theo dõi. Đến khoảng 01 giờ 25 phút ngày 27/3/2021, khi đến trước nhà số 243 đường Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4 bị cáo nhìn thấy ông D.S đang đi bộ trên lề đường nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo xuống xe đi lại gần, giả vờ trò chuyện với ông D.S, đồng thời dùng tay trái sờ vào đáy quần phía trước của ông D.S còn tay phải thì lén lút móc trộm chiếc ví trong túi quần phía sau bên phải của ông D.S. Sau khi lấy được chiếc ví, bị cáo lấy số tiền 2.500.000 đồng trong ví cầm trên tay phải và rút chiếc ví lại gần đó. Khi bị cáo điều khiển xe chạy đi thì bị Tổ tuần tra tri hô và đuổi theo liên tục, đến lô C Cư xá Vĩnh Hội đường Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4 thì bắt giữ được bị cáo cùng tang vật, phương tiện. Tổ tuần tra đã đưa bị cáo về Công an Phường 2, Quận 4 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn L về hành vi chiếm đoạt tài sản. Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Bản Cáo trạng số 329/CT-VKS-P2 ngày 22 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L tội danh “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội, giữ quan điểm như truy tố, nêu lên các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã được trả lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định, vào khoảng 01 giờ 25 phút ngày 27/3/2021, tại trước nhà số 243 đường Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, lợi dụng sự sơ hở của ông D.S, bị cáo đã giả vờ tiếp cận, rồi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng trong chiếc ví của ông D.S.

[3] Hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút tiếp cận rồi chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị như nêu trên mà bị cáo thực hiện, đã đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo tội danh “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp. Mặt khác, bị cáo có nhân thân rất xấu, mặc dù đã được xóa án tích theo quy định, nhưng bị cáo đã rất nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản nhưng vẫn không chịu sửa đổi, vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của mình.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo”, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Những tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Bị hại - ông D.S - đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không có ý kiến hay yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- 01 xe gắn máy biển số 52L9-6549, số khung HY125TA01070012, số

máy 152FM01070012: chiếc xe này do ông Nhan Hòa T đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên ông T đã xuất cảnh sang nước ngoài từ năm 2009. Bị cáo khai mượn chiếc xe này từ người bạn tên Nguyễn Tấn Q - sinh năm: 1976; địa chỉ: 357/66A đường H, Phường MM, Quận S - tuy nhiên hiện nay Q đã bỏ đi khỏi địa phương.

Lời khai của bị cáo về việc mượn xe của Q không có cơ sở để chứng minh, còn người đứng tên chủ sở hữu đã xuất cảnh sang nước ngoài. Xét thấy, bị cáo sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Còn quan hệ dân sự giữa bị cáo với người khác về chiếc xe gắn máy biển số 52L9-6549, số khung HY125TA01070012, số máy 152FM01070012 nếu có tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án dân sự khác theo quy định.

- 01 điện thoại di động Nokia TA-1034 và số tiền 2.900.000 đồng thu giữ của bị cáo: xét thấy không chứng minh được liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2021.

2. Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu không xác định; số loại không xác định; dung tích xilanh không rõ; BS: 52L9-6549; SK: HY125TA01070012, SM: 152FM01070012.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L: 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1034 và số tiền 2.900.000 đồng.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số: NK2022/146 ngày 01/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

4. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (2)
- Những người tham gia tố tụng; (5)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, hồ sơ. (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Toại